

**BÁO CÁO**

**Số liệu chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn  
trên địa bàn huyện Mộ Đức**

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ngãi tại Công văn số 2301/SNNPTNT-KL ngày 06/8/2021 về việc phối hợp kiểm tra số liệu tổng hợp kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh bổ sung cơ cấu 03 loại rừng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Qua kiểm tra, rà soát, UBND huyện Mộ Đức tổng hợp báo cáo kết quả như sau:

**1. Ý kiến về kết quả rà soát số liệu tổng hợp**

Thông nhất với số liệu tổng hợp theo biểu kèm theo tại khoản 1 của Công văn số 2301/SNNPTNT-KL ngày 06/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Số liệu bổ sung ngoài những nội dung đã được tổng hợp**

*(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)*

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi;
- CT, PCT (NL) UBND huyện;
- Các ngành: NN&PTNT, TN&MT huyện;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP: C-PVP (NL), CVTH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



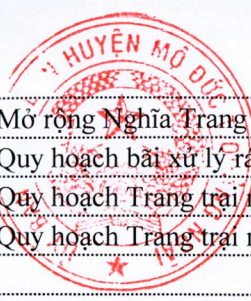
**Ngô Văn Thanh**



**Biểu 02**  
**THỐNG KÊ CÁC QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN CHUYỂN ĐỔI MỖSD RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MỘ ĐỨC**

*(Kèm theo báo cáo số 249/BC-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Mộ Đức*

TT	Tên công trình/dự án	Giai đoạn 2021-2025					Định hướng đến năm 2030					Ghi chú
		Vị trí (TK, Khoản, Lô)	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng rừng			Vị trí (TK, Khoản, Lô)	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng rừng			
				ĐD	PH	SX			ĐD	PH	SX	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)+(12)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>I</b>	<b>Huyện Mộ Đức</b>							<b>1.010,45</b>		<b>21,95</b>	<b>988,50</b>	
	<b>Thị trấn Mộ Đức</b>							<b>4,31</b>			<b>4,31</b>	
1	Căn cứ chiến đấu mô phỏng							4,00			4,00	
2	Xây dựng công trình chiến đấu							0,20			0,20	
3	Quy hoạch đất quốc phòng							0,08			0,08	
4	Quy hoạch đất lâm trang trại							0,03			0,03	
	<b>Xã Đức Lợi</b>							<b>8,12</b>		<b>3,58</b>	<b>4,54</b>	
5	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1							0,64		0,39	0,25	
6	Khu Thương mại - dịch vụ xóm A							1,34		1,34		
7	Khu thương mại - dịch vụ biển xã Đức Lợi							1,85		1,85		
8	Khu dân cư dọc Kè và trung tâm dịch vụ văn hoá thuỷ sản							0,35			0,35	
9	Khu dân cư xã Đức Lợi							0,48			0,48	
10	Quy hoạch vùng trồng rau sạch Tây An							3,46			3,46	
	<b>Xã Đức Thắng</b>							<b>109,41</b>		<b>4,69</b>	<b>104,72</b>	
11	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIa							2,99		2,63	0,36	
12	Mở rộng nghĩa địa nhân dân thôn Tân Định							2,06		2,06		
13	Quy hoạch Khu dân cư và dịch vụ - thương mại ven đường Dung Quất - Sa Huỳnh							6,53			6,53	
14	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh phục hồi chức năng và làm đẹp cao cấp núi Long Phụng							91,23			91,23	
15	Khu TM - DV dọc biển Dương Quang - Tân Định							6,60			6,60	
16	Đất giáo dục trong phân khu xây dựng							<b>0,15</b>			<b>0,15</b>	
	<b>Xã Đức Chánh</b>							<b>96,93</b>			<b>96,93</b>	
17	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân							1,65			1,65	



18	Mở rộng Nghĩa Trang Liệt Sĩ xã						1,06		1,06
19	Quy hoạch bãi xử lý rác thải						2,00		2,00
20	Quy hoạch Trang trại núi Vom						5,22		5,22
21	Quy hoạch Trang trại núi Văn Bàn						87,00		87,00
	<b>Xã Đức Hiệp</b>						<b>83,98</b>		<b>83,98</b>
22	Xây dựng khu xử lý rác thải						1,50		1,50
23	Bê tông xi măng tuyến đường Phước Sơn - An Long						1,16		1,16
24	Cụm CN Quán Lát Đức Hiệp						2,89		2,89
25	Xây dựng công trình chiến đấu						0,07		0,07
26	Khu chăn nuôi tập trung Núi Vom						78,36		78,36
	<b>Xã Đức Minh</b>						<b>121,89</b>	<b>1,07</b>	<b>120,82</b>
27	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam thành phố Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đức Chánh đến ĐT.624C						6,63	0,89	5,74
28	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)						0,18	0,18	
29	Khu tái định cư xã Đức Minh phục vụ GPMB đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIb						1,58		1,58
30	Khu dân cư và Thương mại - Dịch vụ dọc đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh						80,54		80,54
31	Xây dựng công trình phòng thủ trên thứ yếu theo QT						0,10		0,10
32	Xây dựng công trình chiến đấu						0,70		0,70
33	Quy hoạch Khu thương mại - dịch vụ						2,28		2,28
34	Đường bờ vùng sản xuất nông nghiệp						0,46		0,46
35	Hệ thống tiêu nước nổi mùa Đông các xã: Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh						0,01		0,01
36	Khu sản xuất nông nghiệp sạch						29,41		29,41
37	Xây dựng khu du lịch, dịch vụ sinh thái rừng Nà						<b>9,11</b>	<b>9,11</b>	
	<b>Xã Đức Hòa</b>						<b>16,94</b>		<b>16,94</b>
38	Điểm cao có giá trị chiến thuật (xây dựng công trình chiến đấu)						0,10		0,10
39	Tuyến đường sắt cao tốc Nam Bắc						4,11		4,11
40	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa Núi Đồi						0,68		0,68
41	Quy hoạch nghĩa địa núi Long Hội						2,75		2,75
42	Quy hoạch Trang Trại Đồng Thương Lâm						5,36		5,36
43	Quy hoạch trang trại núi Thị						3,94		3,94
	<b>Xã Đức Tân</b>						<b>77,09</b>		<b>77,09</b>

44	Mở rộng nghĩa địa núi Miệt							0,35		0,35
45	Quy hoạch khu du lịch sinh thái hồ Đá Bàn							73,15		73,15
46	Mở rộng Trang trại chăn nuôi gà tổng hợp							2,51		2,51
47	Quy hoạch Trang trại tổng hợp							1,05		1,05
48	Khu trang trại trồng cây ăn quả phía tây Núi Miệt							0,03		0,03
	<b>Xã Đức Phú</b>							<b>121,54</b>	<b>1,50</b>	<b>120,04</b>
49	Đường vào đường hầm SCH thống nhất (Sh02-QNg12)							1,50	1,50	
50	Đường hầm SCH thống nhất (Sh02-QNg12)							100,00		100,00
51	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)							0,10		0,10
52	Quy hoạch đất làm trang trại							18,88		18,88
53	Dự án sản xuất gừng thương phẩm theo quy trình VietGap							1,06		1,06
	<b>Xã Đức Phong</b>							<b>167,70</b>	<b>2,00</b>	<b>165,70</b>
54	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb: Đoạn ĐT.624C đến Cảng Mỹ Á							3,24	1,05	2,19
55	Di tích bãi biển Tân An							0,95	0,95	
56	Khu dân cư và Thương mại - Dịch vụ dọc đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh							100,94		100,94
57	Khu nông nghiệp công nghệ cao (Trần Việt) khu 2							2,08		2,08
58	Nông nghiệp công nghệ cao 4.0 kết hợp du lịch sinh thái nhà vườn							24,25		24,25
59	Di tích Hầm Xác Máu							0,71		0,71
60	Xây dựng công trình phòng thủ trên hướng chủ yếu theo QT							0,10		0,10
61	Xây dựng công trình chiến đấu							0,05		0,05
62	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng (sang đất cây lâu năm) núi Ông Đọ							35,38		35,38
	<b>Xã Đức Lân</b>							<b>193,28</b>		<b>193,28</b>
63	Tuyến đường sắt cao tốc Nam Bắc							6,08		6,08
64	Tuyến đường cao tốc Quảng Ngãi-Quy Nhơn							6,68		6,68
65	Cụm công nghiệp An Sơn							16,44		16,44
66	Quy hoạch trường bắn							12,38		12,38
67	Điểm cao có giá trị chiến thuật (xây dựng công trình chiến đấu)							0,10		0,10
68	Xây dựng công trình chiến đấu							0,10		0,10
69	Quy hoạch đất làm trang trại (Phía Tây)							143,31		143,31
70	Quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân tập trung							8,19		8,19